

**CÔNG KHAI THÔNG TIN NHIỆM VỤ KH&CN NGOÀI PHẠM VI  
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ  
NĂM 2018**

**1. Tên nhiệm vụ**

Đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu chọn tạo giống mía chịu úng phèn, có năng suất và chất lượng cao cho vùng Tây Nam bộ” (Thuộc “Nhiệm vụ đặt hàng sản phẩm KH&CN”)

**2. Tên chủ nhiệm vụ, các thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học**

Lê Quang Tuyên – CNNV

Lê Thị Thường – Thư ký khoa học

Nguyễn Đức Quang

Nguyễn Văn Dự

Lê Thị Hiền

Thân Thị Thu Hạnh

Đỗ Đức Hạnh

Đoàn Lệ Thủy

Nguyễn Cương Quyết

Dương Công Thống

**3. Mục tiêu của nhiệm vụ**

- Mục tiêu tổng quát: Chọn tạo và phát triển được giống mía có năng suất  $\geq 100$  tấn/ha,  $\geq 10$  CCS, thích hợp với chân đất úng phèn để bổ sung vào cơ cấu giống mía của vùng Tây Nam bộ, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng mía, cung cấp ổn định mía nguyên liệu cho các nhà máy đường trong vùng hoạt động có hiệu quả

- Mục tiêu cụ thể: Tuyển chọn được 1 giống mía công nhận chính thức và 2 giống mía công nhận tạm thời cho sản xuất thử có khả năng chịu được úng, phèn, cho năng suất  $\geq 100$  tấn/ha,  $\geq 10$  CCS

**4. Các nội dung nghiên cứu chính phải thực hiện**

- Nội dung 1. Nghiên cứu chọn tạo các giống mía chịu úng phèn cho miền Tây Nam bộ bằng phương pháp lai hữu tính:

+ Đánh giá các vật liệu lai tạo (30 giống)

+ Lai hữu tính (5 vụ lai)

+ Sơ tuyển cây con lai (3 TN trong chu kỳ 2 vụ (vụ tơ và vụ gốc) và 1 TN trong vụ tơ)

+ Chọn dòng bước I (3 TN trong chu kỳ 2 vụ (vụ tơ và vụ gốc) và 1 TN trong vụ tơ)

+ Chọn dòng bước II (1 TN trong chu kỳ 2 vụ (vụ tơ và vụ gốc)/điểm x 4 điểm)

- Nội dung 2. Tuyển chọn giống mía có năng suất chất lượng cao:

+ Khảo nghiệm cơ bản (2 KNCB trong chu kỳ 2 vụ (vụ tơ và vụ gốc)/điểm x 4 điểm)

+ Khảo nghiệm sản xuất bản (1 KNSX trong chu kỳ 2 vụ (vụ tơ và vụ gốc)/điểm x 4 điểm)

+ Xây dựng mô hình canh tác và hội thảo đầu bờ (1 mô hình trong vụ tơ và 1 hội thảo/điểm x 4 điểm)

- Nội dung 3. Nghiên cứu bổ sung một số biện pháp kỹ thuật canh tác:

+ Đánh giá ảnh hưởng của liều lượng phân đạm, lân, kali đến năng suất mía nguyên liệu (1 TN vụ tơ/điểm x 4 điểm)

+ Đánh giá ảnh hưởng của các biện pháp phòng trừ sâu hại đến năng suất mía nguyên liệu (1 TN vụ tơ/điểm x 4 điểm)

**5. Thời gian thực hiện, phương thức khoán chi (đến sản phẩm cuối cùng hoặc từng phần)**

- Thời gian thực hiện: Tháng 01/2013 – Tháng 12/2018 (Được gia hạn 12 tháng)

- Phương thức khoán chi: Từng phần

**6. Tổng số kinh phí thực hiện; kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt**

- Tổng số kinh phí thực hiện: 5.500 triệu đồng (NSNN)

- Chi tiết kinh phí NSNN:

+ Năm 2013: 500 triệu đồng

+ Năm 2014: 1.300 triệu đồng

+ Năm 2015: 1.300 triệu đồng

+ Năm 2016: 1.300 triệu đồng

+ Năm 2017: 1.100 triệu đồng

**7. Các sản phẩm của nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, đánh giá và công nhận**

- Công nhận cho SXT các giống mía KK3, LK92-11 và VN08-270 tại vùng Tây Nam bộ (Theo Quyết định số 135/QĐ-BNN-TT ngày 12/01/2017 của Bộ NN&PTNT; Quyết định số 90/QĐ-TT-CCN ngày 27/4/2018 của Cục Trồng trọt)

- Công nhận 2 giống chính thức (LK92-11 và KK3; đã được thông qua Hội đồng KHCN của Bộ Nông nghiệp và PTNT (Thành lập theo Quyết định số 89/QĐ-BNN-TT ngày 07/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT) họp ngày 12/01/2019)

- Xây dựng được 4 mô hình canh tác giống mía mới đạt năng suất  $\geq 110$  tấn/ha,  $\geq 10$  CCS tại vùng Tây Nam bộ

- Công nhận cấp cơ sở TBKT “Quy trình kỹ thuật canh tác giống mía mới KK3 tại vùng Tây Nam bộ” và “Quy trình kỹ thuật canh tác giống mía mới LK92-11 tại vùng Tây Nam bộ”

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

**VIỆN TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG**

**TRƯỞNG PHÒNG**

**TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN**

**KHOA HỌC VÀ HTQT**



**Cao Anh Dương**

**Lưu Ngọc Lương**

**Đoàn Lệ Thủy**

**CÔNG KHAI THÔNG TIN NHIỆM VỤ KH&CN NGOÀI PHẠM VI  
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ  
NĂM 2018**

**1. Tên nhiệm vụ**

Dự án cấp Bộ “Sản xuất giống mía giai đoạn 2016 – 2020” (Thuộc Chương trình giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020)

**2. Tên chủ nhiệm nhiệm vụ, các thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học**

BQL, kiểm tra:

Cao Anh Dương

Lê Quang Tuyền

Đỗ Đức Hạnh

Đoàn Lệ Thủy

Lưu Ngọc Lương

Lê Thị Thường

Phạm Văn Tùng

Thân Thị Thu Hạnh

Lê Thị Hiền

Vũ Hữu Hạnh

**3. Mục tiêu của nhiệm vụ**

- Mục tiêu chung:

+ Góp phần phát triển các giống mía có năng suất cao, chất lượng tốt cung cấp cho vùng, nâng tỷ lệ diện tích sử dụng giống mới, chất lượng cao (50% hiện nay lên 70 – 75% vào năm 2020)

+ Nâng cao hiệu quả kinh tế; góp phần xây dựng vùng sản xuất mía theo hướng bền vững, ổn định nguyên liệu cho các nhà máy chế biến

+ Phấn đấu đạt mục tiêu phát triển mía đường đến năm 2020 theo Quyết định số 26/2007/QĐ-TTg ngày 15/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ (Năng suất mía bình quân  $\geq 75$  tấn/ha; chữ đường bình quân  $\geq 11$  CCS; sản lượng mía  $\geq 22,5$  triệu tấn; sản lượng đường  $\geq 2,1$  triệu tấn)

- Mục tiêu cụ thể:

+ Phát triển 6 – 8 giống mía mới có năng suất cao, chất lượng tốt, phù hợp cơ cấu chín rải vụ tại các vùng sinh thái (trong đó có 2 – 3 giống được Bộ NN&PTNT công nhận là giống cây trồng mới)

+ Từ duy trì 28 ha giống gốc, sản xuất các cấp giống như sau: 134 ha (7.900 tấn) giống gốc cấp I (vụ tơ); 134 ha (8.000 tấn) giống gốc cấp II (vụ gốc I) cung cấp cho nhu cầu nhân giống các cấp giống tiếp theo

+ Đến năm 2020: Phát triển  $> 70.000$  ha từ nguồn giống chất lượng cao do Dự án cung cấp (Năng suất tăng thêm 8 – 10 tấn/ha, chữ đường tăng 0,5 – 1,0 CCS so với vụ 2014/2015 tại các vùng Bắc Trung bộ, Duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên, Đông Nam bộ và Tây Nam bộ)

+ Tăng cường năng lực sản xuất, nhân mía giống sạch bệnh 3 cấp thông qua 12 lớp tập huấn kỹ thuật cho người làm công tác giống với 360 người

**4. Các nội dung nghiên cứu chính phải thực hiện**

- Duy trì giống gốc: 28 ha (14 ha/năm)

- Sản xuất giống gốc:

+ Trồng bằng cây NCM: 8 ha (Vụ tơ và vụ gốc I)

+ Trồng bằng hom thân: 126 ha (Vụ tơ và vụ gốc I)

- Hoàn thiện kỹ thuật nhân giống mía sạch bệnh 3 cấp:
- + Hoàn thiện kỹ thuật cấy mô sạch bệnh: 0,2 ha
- + Hoàn thiện kỹ thuật xử lý hom 1 mầm bằng nước nóng: 0,2 ha
- + Kỹ thuật kiểm tra bệnh trắng lá mía
- Tập huấn kỹ thuật nhân giống mía sạch bệnh 3 cấp: 12 lớp; 30 người/lớp, 5 ngày/lớp (Bắc Trung bộ, Tây Nguyên và Tây Nam bộ 2 lớp/vùng; Duyên hải Nam Trung bộ và Đông Nam bộ 3 lớp/vùng)

**5. Thời gian thực hiện, phương thức khoán chi**

- Thời gian thực hiện: Tháng 01/2016 – Tháng 12/2020
- Phương thức khoán chi: Từng phần

**6. Tổng số kinh phí thực hiện nhiệm vụ**

- Tổng số kinh phí thực hiện: 29.073,263 triệu đồng; trong đó NSNN 17.415,763 triệu đồng
- Chi tiết kinh phí NSNN:
  - + Năm 2016: 3.000 triệu đồng
  - + Năm 2017: 4.500 triệu đồng
  - + Năm 2018: 5.000 triệu đồng

**7. Các sản phẩm của nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, đánh giá và công nhận**

- Duy trì, chăm sóc giống gốc: 28 ha, đạt 100% kế hoạch, thu được 1.835 tấn mía giống, chuyển giao được 1.265 tấn mía giống cho trồng mới trong sản xuất, đạt được mục tiêu đã đề ra (chuyển giao ít nhất 45 tấn mía giống trên 1 ha duy trì, chăm sóc giống gốc)
- Sản xuất giống gốc bằng cây nuôi cấy mô: 12 ha, bao gồm:
  - + Chu kỳ vụ tơ và vụ gốc I: 4 ha đạt 100% kế hoạch, thu được 416 tấn mía giống, chuyển giao được 364 tấn mía giống, đạt được mục tiêu đã đề ra (chuyển giao ít nhất 45 tấn mía giống trên 1 ha sản xuất giống gốc).
  - + Vụ tơ: 4 ha vừa được trồng mới (10/12/2018), đạt 100% kế hoạch
- Sản xuất giống gốc bằng hom thân: 189 ha (63 ha trong chu kỳ vụ tơ, vụ gốc I và 63 ha vụ tơ), đạt 100% kế hoạch, thu được tổng sản lượng 13.682 tấn mía giống, chuyển giao được 8.974 tấn mía giống cho trồng mới, đạt được mục tiêu đã đề ra (chuyển giao ít nhất 45 tấn mía giống trên 1 ha sản xuất giống gốc)

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

**VIỆN TRƯỞNG**



**Cao Anh Dương**

**TRƯỞNG PHÒNG  
TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN**

**Lưu Ngọc Lương**

**TRƯỞNG PHÒNG  
KHOA HỌC VÀ HTQT**

**Đoàn Lệ Thủy**

**CÔNG KHAI THÔNG TIN NHIỆM VỤ KH&CN NGOÀI PHẠM VI  
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ  
NĂM 2018**

**1. Tên nhiệm vụ**

Đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu, chọn tạo giống mía và biện pháp kỹ thuật canh tác cho một số vùng trồng mía chính”

**2. Tên chủ nhiệm nhiệm vụ, các thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học**

Cao Anh Dương – CNNV

Đoàn Lệ Thủy – Thư ký khoa học

Lê Thị Thường

Phạm Văn Tùng

Nguyễn Văn Dự

Nguyễn Minh Hiếu

Nguyễn Phú Cường

Võ Mạnh Hùng

Trần Bá Khoa

**3. Mục tiêu của nhiệm vụ**

- Mục tiêu tổng quát: Chọn tạo được các giống mía mới, có năng suất cao, chữ đường cao và kháng hoặc tối đa nhiễm trung bình với sâu, bệnh hại chính, thích ứng với một số vùng trồng mía chính (Bắc Trung bộ, Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên)

- Mục tiêu cụ thể:

+ 1 giống mía mới được công nhận cho vùng thâm canh: Năng suất  $\geq 110$  tấn/ha, chữ đường  $\geq 11$  CCS đối với phía Nam hoặc năng suất  $\geq 100$  tấn/ha, chữ đường  $\geq 12$  CCS đối với phía Bắc, chống chịu tốt hoặc khá đến trung bình đối với sâu, bệnh hại chính

+ 1 giống mía mới được công nhận cho vùng nước trời: Năng suất  $\geq 80$  tấn/ha, chữ đường  $\geq 11$  CCS đối với phía Nam hoặc năng suất  $\geq 80$  tấn/ha, chữ đường  $\geq 12$  CCS đối với phía Bắc, chống chịu tốt hoặc khá đến trung bình đối với sâu, bệnh hại chính

+ Quy trình canh tác áp dụng cơ giới hóa cho các giống mía mới chọn tạo

+ 6 mô hình trình diễn giống mía mới và biện pháp kỹ thuật: Quy mô 1 ha/mô hình, tăng hiệu quả kinh tế 10 – 15% so với canh tác truyền thống

**4. Các nội dung nghiên cứu chính phải thực hiện**

- Chọn tạo vật liệu khởi đầu bằng phương pháp lai hữu tính :

+ Tạo vật liệu khởi đầu: 35 – 40 cặp lai/vụ x 4 vụ

+ Sơ tuyển vật liệu khởi đầu: 13.000 – 14.000 cây con lai/TN x 4 TN

+ Chọn dòng bước I:

• Chu kỳ vụ tơ và vụ gốc I: 300 – 400 dòng/TN x 2 TN

• Vụ tơ: 300 – 400 dòng/TN x 1 TN

+ Chọn dòng bước II: 50 – 60 dòng/TN x 1 TN (Vụ tơ)

- Khảo nghiệm giống mía (trong điều kiện thâm canh và canh tác nhờ nước trời):

+ Khảo nghiệm cơ bản: 1 KNCB/điều kiện canh tác x 2 điều kiện canh tác/điểm x 2 điểm/vùng x 3 vùng/vụ x 2 vụ (chu kỳ vụ tơ và vụ gốc I)

+ Khảo nghiệm sản xuất: 1 KNSX/điều kiện canh tác x 2 điều kiện canh tác/điểm x 2 điểm/vùng x 3 vùng/vụ x 2 vụ (chu kỳ vụ tơ và vụ gốc I)

- Nghiên cứu, đề xuất quy trình canh tác áp dụng cơ giới hóa cho các giống mía mới (trong điều kiện thâm canh và canh tác nhờ nước trời):

+ Khảo sát hiện trạng, tổng hợp thực tiễn và tài liệu, đề xuất quy trình: Trên cơ sở tổng hợp thực tiễn và tài liệu đề xuất quy trình canh tác áp dụng cơ giới hóa đưa vào thử nghiệm

+ Thử nghiệm quy trình đề xuất: 1 thử nghiệm/điều kiện canh tác x 2 điều kiện canh tác/vùng x 3 vùng/vụ x 2 vụ (chu kỳ vụ tơ và vụ gốc I)

- Xây dựng mô hình trình diễn giống mía mới (trong điều kiện thâm canh và canh tác nhờ nước trời):

+ Xây dựng mô hình trình diễn giống mía mới: 1 mô hình/điều kiện canh tác x 2 điều kiện canh tác/vùng x 3 vùng/vụ x 1 vụ tơ

+ Tổ chức hội thảo khoa học, công nghệ giới thiệu giống mía mới và mô hình trình diễn giống mía mới: 1 hội thảo/điểm x 2 điểm/vùng x 3 vùng

#### **5. Thời gian thực hiện, phương thức khoán chi**

- Thời gian thực hiện: Tháng 01/2018 – Tháng 12/2022

- Phương thức khoán chi: Từng phần

#### **6. Tổng số kinh phí thực hiện nhiệm vụ**

- Tổng số kinh phí thực hiện: 4.200 triệu đồng (NSNN)

- Chi tiết kinh phí NSNN:

Năm 2018: Phê duyệt 1.000 triệu đồng; được cấp 700 triệu đồng

#### **7. Các sản phẩm của nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, đánh giá và công nhận**

Chưa có do mới thực hiện năm đầu tiên

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

**VIỆN TRƯỞNG**



**Cao Anh Dương**

**TRƯỞNG PHÒNG  
TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN**

**Luu Ngọc Lương**

**TRƯỞNG PHÒNG  
KHOA HỌC VÀ HTQT**

**Đoàn Lệ Thủy**

**CÔNG KHAI THÔNG TIN NHIỆM VỤ KH&CN NGOÀI PHẠM VI  
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ  
NĂM 2018**

**1. Tên nhiệm vụ**

Dự án Khuyến nông Trung ương “Mô hình trồng giống mía mới, áp dụng quy trình kỹ thuật thâm canh, liên kết với nhà máy tiêu thụ mía nguyên liệu”

**2. Tên chủ nhiệm nhiệm vụ, các thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học**

Lê Quang Tuyền – CNNV

Phạm Văn Tùng – Thư ký khoa học

Đỗ Đức Hạnh

Lê Thị Thường

Đoàn Lệ Thủy

Vũ Thành Lâm

Lê Thị Luyến

Lê Thanh Tùng

Lê Bá Nghiêm

Lê Trung Nghĩa

**3. Mục tiêu của nhiệm vụ**

- Mục tiêu tổng quát:

+ Xây dựng được mô hình trồng giống mía mới năng suất, chất lượng, chống chịu sâu bệnh hại chủ yếu, áp dụng quy trình kỹ thuật thâm canh tổng hợp

+ Xây dựng mô hình liên kết nhân giống và thâm canh mía của các nhóm hộ nông dân, ổn định vùng cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy đường

- Mục tiêu cụ thể:

+ Xây dựng mô hình:

• Xây dựng 60 ha mô hình liên kết nhân giống mía mới KK3, LK92-11, K83-29, Suphanburi7, K95-156 và các giống mía thích hợp cho vùng như VĐ93-159, ROC22,...

• Xây dựng 160 ha mô hình trồng thâm canh mía nguyên liệu, gồm các giống LK92-11, KK3, QN01, K95-156, Suphanburi 7 và các giống mía thích hợp cho vùng như VĐ93-159, ROC22, ROC27,...

+ Tổ chức đào tạo tập huấn về kỹ thuật nhân mía giống, thâm canh mía nguyên liệu trong mô hình 20 lớp với 500 lượt người và ngoài mô hình 20 lớp với 600 lượt người

+ Tổ chức 36 hội thảo đầu bờ, viết 1-2 tin trên báo đài/địa phương, phát 7.000 tờ rơi

+ Nhân rộng vào sản xuất 120 ha mía giống và 300 ha mía thâm canh

**4. Các nội dung nghiên cứu chính phải thực hiện**

- Xây dựng mô hình trình diễn (Các giống mía KK3, LK92-11, K83-29, K95-156, Suphanburi 7, QN-01, ROC27, ROC22, VĐ93-159 được nhân rộng vào sản xuất sau khi kết thúc dự án là 300 ha):

+ Mô hình nhân giống mía: 20 mô hình x 3 ha/mô hình, tổng 60 ha, năng suất  $\geq 60$  tấn/ha; do các công ty đường thực hiện

+ Mô hình thâm canh mía nguyên liệu: 16 mô hình, 5 – 15 ha/mô hình, tổng 160 ha, thu nhập tăng hơn 20% so với sản xuất đại trà; do các trung tâm khuyến nông thực hiện

+ Tập huấn trong mô hình: 25 người/lớp x 1 lớp/tỉnh x 10 tỉnh

- Đào tạo tập huấn: 30 người/lớp x 2 lớp/tỉnh x 10 tỉnh
- Thông tin tuyên truyền:
  - + Hội thảo đầu bờ: 1 hội thảo/mô hình x 36 mô hình (Gắn với mô hình)
  - + Thông tin, quảng cáo, tuyên truyền: Tương ứng với hội thảo đầu bờ
  - + Hội thảo vùng: 1 hội thảo/vùng x 3 vùng

**5. Thời gian thực hiện, phương thức khoán chi**

- Thời gian thực hiện: Tháng 01/2018 – Tháng 12/2020
- Phương thức khoán chi: Từng phần

**6. Tổng số kinh phí thực hiện nhiệm vụ**

- Tổng số kinh phí thực hiện: 8.090 triệu đồng, trong đó NSNN 7.000 triệu đồng

- Chi tiết kinh phí NSNN:  
Năm 2018: 1.000 triệu đồng

**7. Các sản phẩm của nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, đánh giá và công nhận**

Chưa có.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019



**Cao Anh Dương**

**TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN**

**Lưu Ngọc Lương**

**TRƯỞNG PHÒNG KHOA HỌC VÀ HTQT**

**Đoàn Lệ Thủy**

**CÔNG KHAI THÔNG TIN NHIỆM VỤ KH&CN NGOÀI PHẠM VI  
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ  
NĂM 2018**

**1. Tên nhiệm vụ**

Đề tài cấp tỉnh “Nghiên cứu, tuyển chọn giống mía có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với điều kiện sinh thái tỉnh Trà Vinh”

**2. Tên chủ nhiệm nhiệm vụ, các thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học**

Lê Quang Tuyên – CNNV

Lê Thị Thường – Thư ký khoa học

Nguyễn Văn Dự

Đỗ Đức Hạnh

Nguyễn Cương Quyết

Võ Mạnh Hùng

Dương Công Thống

Đỗ Quang Thành

Nguyễn Thanh Tín

**3. Mục tiêu của nhiệm vụ**

- Mục tiêu tổng quát: Tuyển chọn được một số giống mía có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu sâu bệnh và thích nghi với điều kiện sinh thái của tỉnh Trà Vinh

- Mục tiêu cụ thể:

+ Tuyển chọn 1 – 2 giống mía có năng suất cao và chất lượng tốt, năng suất quy 10 CCS vượt giống đối chứng từ 10% trở lên, phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh Trà Vinh

+ Đề xuất quy trình kỹ thuật canh tác cho các giống mía được tuyển chọn phù hợp với vùng đất của tỉnh Trà Vinh

**4. Các nội dung nghiên cứu chính phải thực hiện**

- Nội dung 1. Khảo nghiệm cơ bản (3 KNCB trong chu kỳ vụ tơ và vụ gốc I)

- Nội dung 2. Khảo nghiệm sản xuất (3 KNSX trong chu kỳ vụ tơ và vụ gốc I)

- Nội dung 3. Xây dựng mô hình trình diễn và tổ chức hội thảo tham quan mô hình, giới thiệu, quảng bá giống mía:

+ Xây dựng mô hình: 3 mô hình vụ tơ, 1 ha/mô hình

+ Tổ chức hội thảo, tham quan mô hình: 3 hội thảo, 50 người/hội thảo

**5. Thời gian thực hiện, phương thức khoán chi (đến sản phẩm cuối cùng hoặc từng phần)**

- Thời gian thực hiện: Tháng 11/2016 – Tháng 11/2019

- Phương thức khoán chi:

**6. Tổng số kinh phí thực hiện; kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt**

- Tổng số kinh phí thực hiện: 1.152,151 triệu đồng; trong đó:
- + NSNN: 1.017,278 triệu đồng
- + Khác: 134,873 triệu đồng
- Chi tiết kinh phí NSNN:
- + Năm 2017: 362,640 triệu đồng
- + Năm 2018: 346,447 triệu đồng
- + Năm 2019: 308,191 triệu đồng

**7. Các sản phẩm của nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền nghiệm thu, đánh giá và công nhận**

Chưa có.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

**VIỆN TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN**      **TRƯỞNG PHÒNG KHOA HỌC VÀ HTQT**



A blue ink signature in cursive script, appearing to read "Lưu Ngọc Lương".

A blue ink signature in cursive script, appearing to read "Đoàn Lệ Thủy".

**Cao Anh Dương**

**Lưu Ngọc Lương**

**Đoàn Lệ Thủy**